

Số: 196/2024/QĐST-DS

Thành phố Huế, ngày 29 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016; quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 21 tháng 3 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 171/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Cẩm N, sinh năm: 1989; Địa chỉ: Kiệt C H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Anh Trần Văn Hoài P, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Số C T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Trên cơ sở nguyện vọng của con, chị Võ Thị Cẩm N và anh Trần Văn H P thỏa thuận: Giao cháu Trần Thị Như Ý, sinh ngày: 03/11/2013 cho anh Trần Văn H P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 4/2024 cho đến khi cháu Ý tròn 18 tuổi.

Chị Võ Thị Cẩm N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về án phí: Chị Võ Thị Cẩm N tự nguyện chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền đã nộp là 300.000đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003259 ngày 13/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh

Thừa Thiên Huế. Hoàn trả lại cho chị N số tiền 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Như T